

Ngày 30/09/2025	12,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.6%	10.3%	20.2%

	Q3/25	
ROE	13.5%	+/- YoY ▲ 4.0%

	Q3/25		
DT thuần	312	QoQ	YoY
		▲ 7.00	▲ 33.0
		▲ 2.4%	▲ 12.0%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	718	YoY
		▲ 87.0
		▲ 13.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	43.4	QoQ	YoY
		▼ 23.0	▲ 0.50
		▼ 34.6%	▲ 1.2%
	tỷ VNĐ		

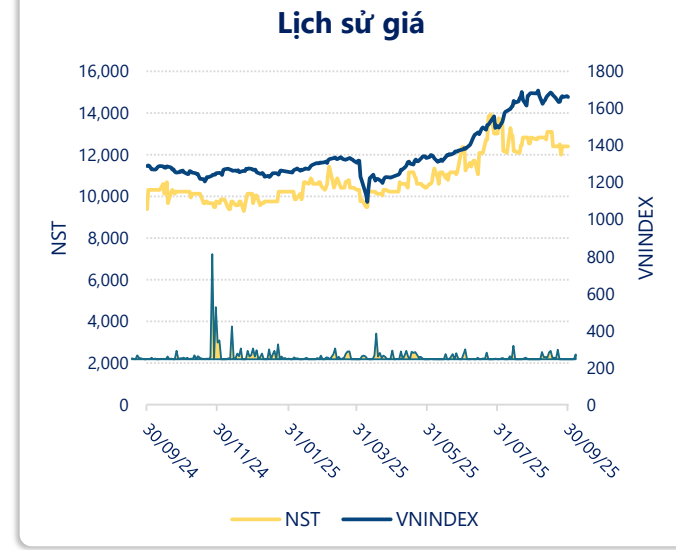
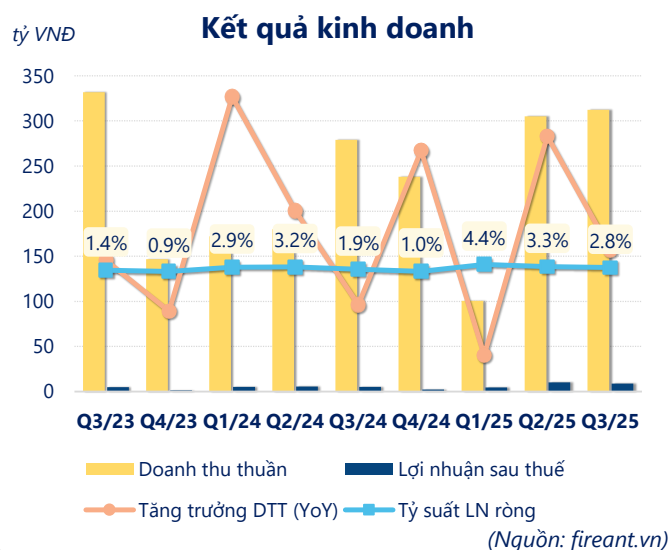
	9T 2025	
LN gộp	143	YoY
		▲ 26.0
		▲ 22.5%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	10.9	QoQ	YoY
		▼ 1.70	▲ 4.23
		▼ 13.2%	▲ 64.0%
	tỷ VNĐ		

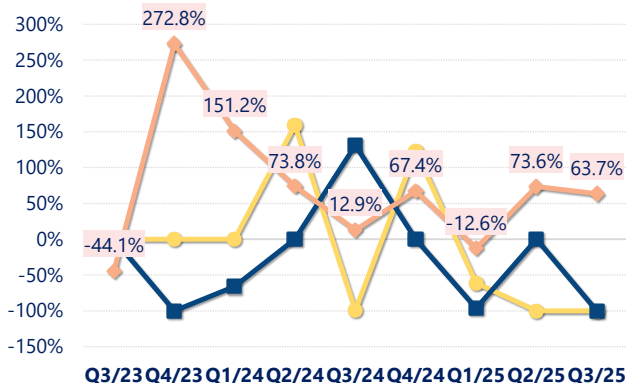
	9T 2025	
LN thuần	29.0	YoY
		▲ 9.20
		▲ 46.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	8.72	QoQ	YoY
		▼ 1.28	▲ 3.46
		▼ 12.8%	▲ 65.7%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	23.2	YoY
		▲ 7.20
		▲ 44.4%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

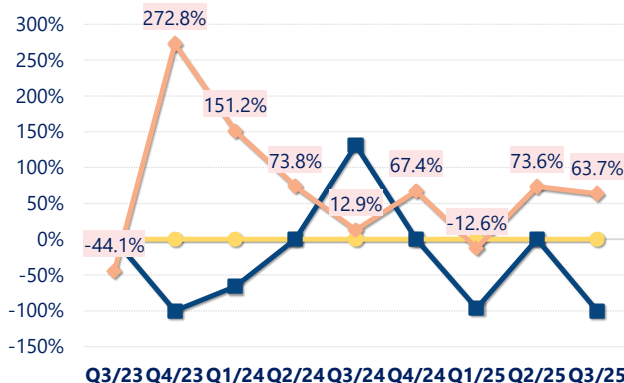


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

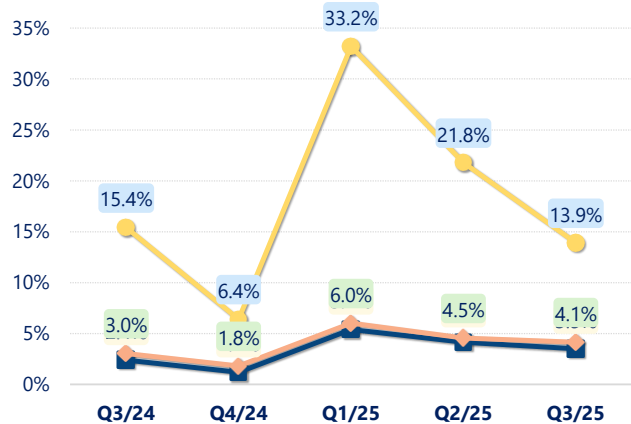


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

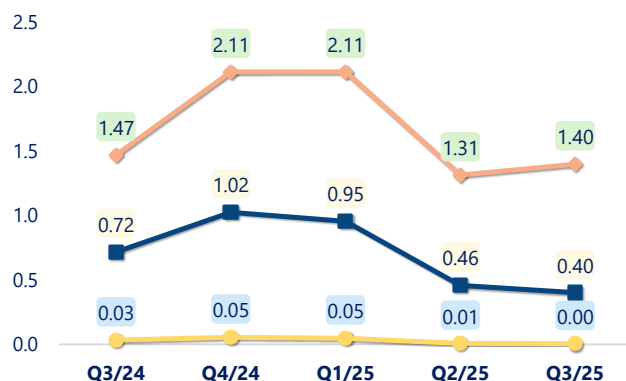


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

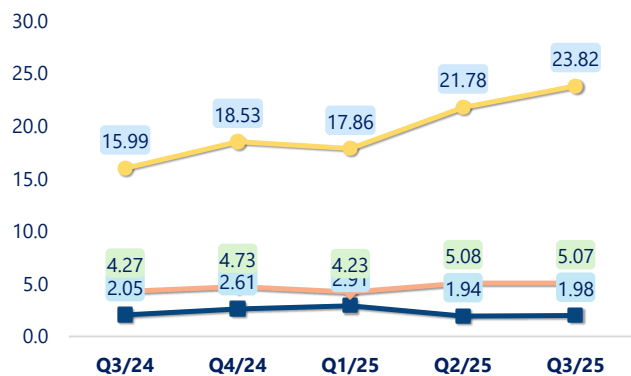


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

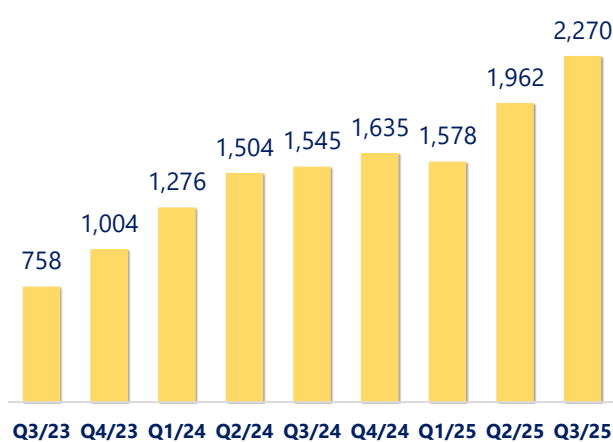


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	312	279	12.0%	718	631	13.7%
Giá vốn hàng bán	269	236	14.0%	575	514	11.7%
Lợi nhuận gộp	43.4	42.9	1.2%	143	117	22.5%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.14	56.2%	0.90	1.96	-54.1%
Chi phí TC	2.09	1.86	12.2%	5.07	2.49	104%
Chi phí lãi vay	2.01	1.86	8.2%	3.80	2.27	67.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.62	8.53	1.0%	19.7	17.1	14.7%
Chi phí QLDN	22.0	26.0	-15.4%	90.4	79.6	13.7%
LN thuần từ HĐKD	10.9	6.67	64.0%	29.0	19.8	46.7%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.05	100.0%	0.10	0.40	-73.8%
LN trước thuế	10.9	6.62	65.3%	29.1	20.2	44.3%
Lợi nhuận sau thuế	8.72	5.26	65.7%	23.2	16.0	44.4%
LNST của CĐ cty mẹ	8.72	5.26	65.7%	23.2	16.0	44.4%

(Nguồn: fireant.vn)

